

Bản án số: 108/2024/DS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân chính thức:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Ông Nguyễn Vi Tường Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐHPT-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T3 (Việt Nam).

Trụ sở: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

(Đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2024)

Bị đơn: Ông Phan Trung T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: H đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/5/2022, Công ty T3 (Việt Nam), (gọi tắt là công ty) ký Hợp đồng tín dụng số 3134751 về việc cấp tín dụng cho ông Phan Trung T với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, công ty đã giải ngân và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông T số tiền 31.980.000 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng, ông T có nghĩa vụ trả góp hàng tháng tiền gốc, lãi với số tiền là 1.615.350 đồng, trong kỳ hạn 35 tháng, kể từ ngày 15/5/2022 đến ngày 15/3/2025, theo mức lãi suất là 44%/năm.

Sau khi giải ngân, đến nay ông Phan Trung Tín c mới thanh toán trả góp cho công ty được 04 kỳ với số tiền là 6.516.350 đồng. Từ ngày 17/9/2022 đến nay, ông T không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty đã giải ngân.

Công ty đã nhắc nợ nhiều lần để yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông T biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Trung T1 thanh toán cho công ty số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2024 là 56.036.652 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 29.241.760 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 17.223.035 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 7.953.961 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.617.896 đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông T1 đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa,

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Phước Quỳnh G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền

và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3134751 ngày 04/5/2022 giữa Công ty và ông T1, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Xét Giấy ủy quyền số 199/2023/GUQ-MAFC ngày 23/5/2023 của Công ty T3 (Việt Nam) ủy quyền cho Công ty L và Giấy ủy quyền ngày 10/01/2024 của Công ty L1 Tin cho bà Nguyễn Phước Q Giao tham gia tố tụng giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Trung T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc với số tiền 29.241.760 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Tại mục 3.6 Khoản 3 Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận như sau: Hàng tháng ông T có nghĩa vụ trả số tiền là 1.615.350 đồng, trong kỳ hạn 35 tháng, kể từ ngày 15/5/2022 đến ngày 15/3/2025.

Mặc dù chưa hết thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, tuy nhiên ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc của mỗi kỳ thanh toán và tính đến ngày 15/5/2024, ông T còn nợ Công ty số tiền là 29.241.760 đồng là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 29.241.760 đồng.

[2.2]. Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi

Tại Mục 3.7 và 3.8 Điều 1 của Khoản 3 Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 05/5/2022 thì các bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn là 44%/năm, lãi suất quá hạn là mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/5/2024 lãi trong hạn là 17.223.035 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.953.961 đồng, tiền lãi chậm trả 1.617.896 đồng) là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 16/5/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3134751 ngày 05/5/2022 là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông **Phan trung T2** có nghĩa vụ trả cho **Công ty T3** (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2024 là : 56.036.652 (Năm mươi sáu triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng. Trong đó bao gồm, nợ gốc là 29.241.760 (Hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng, tiền lãi trong hạn 17.223.035 (Mười bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn không trăm ba mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn 7.953.961 (Bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng, tiền lãi chậm trả 1.617.896 (Một triệu sáu trăm mười bảy nghìn tám trăm chín mươi sáu) đồng .

2. Tiền lãi sẽ tiếp tục tính từ ngày 16/5/2024 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận và mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3134751 ngày 05/5/2022.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.801.833 đồng (Hai triệu, tám trăm lẻ một nghìn, tám trăm ba mươi ba) đồng, ông **Phan Trung T** chịu.

Công ty T3 (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Công ty T3** (Việt Nam) số tiền 1.056.776 đồng (Một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035620 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Phương Lan